TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ - ST.
Ngày: 21 – 5 – 2024.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Hoàng Tha.

Bà Trần Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Duyên Thị Kiều D, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp 3B, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Văn S, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp H, thị trấn N, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 19/02/2024 nguyên đơn bà Duyên Thị Kiều D trình bày: Nguyên vào năm 2022, bà Duyên Thị Kiều D và ông Võ Văn S tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39, ngày 02/7/2014. Sau khi kết hôn Võ Văn S và ông S chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ đó thường xuyên cãi vả, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên Võ Văn S và ông S sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian chung sống Võ Văn S và ông S có 01 người con chung tên Vỏ Duy T, sinh ngày 31/3/2014 hiện nay sống chung với Võ Văn S. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Nay bà Duyên Thị Kiều D yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn S; yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và không yêu cầu ông S cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Võ Văn S: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông S nhưng ông S không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông S để tham gia tố tụng tại phiên hòa giải nhưng ông S vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông S biết. Bị đơn ông Võ Văn S đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Duyên Thị Kiều D và ông Võ Văn S đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Duyên Thị Kiều D; giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và ông S không cấp dưỡng cho con chung; tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Duyên Thị Kiều D và bị đơn ông Võ Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Võ Văn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông S vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Võ Văn S và ông S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Duyên Thị Kiều D và ông Võ Văn S tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 39, ngày 02/7/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa Võ Văn S và ông S là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Võ Văn S có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của Võ Văn S, Hội đồng xét xử xét thấy: Võ Văn S cho rằng nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và sau khi sống ly thân thì Võ Văn S và ông S không có liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng Võ Văn S và ông S đoàn tụ với nhau nhưng

ông S vẫn vắng mặt và Võ Văn S vẫn kiên quyết ly hôn với ông S vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng Võ Văn S và ông S đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà Duyên Thị Kiều D xin ly hôn với ông Võ Văn S là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Duyên Thị Kiều D được ly hôn với ông Võ Văn S.

[3] Về con chung: Bà Duyên Thị Kiều D xác định trong thời gian chung sống, Võ Văn S và ông Võ Văn S có 01 người con chung tên Vỏ Duy T, sinh ngày 31/3/2014. Võ Văn S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Xét thấy, từ khi Võ Văn S và ông S sống ly thân cho đến nay cháu T do Võ Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án khi ghi nhận ý kiến thì cháu T có nguyện vọng sống chung với Võ Văn S. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao cháu T cho Võ Văn S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra, căn cứ vào khản 3 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông S mà không ai được cản trở.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Duyên Thị Kiều D không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Duyên Thị Kiều D xác định trong thời gian chung sống Võ Văn S và ông Võ Văn S không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Duyên Thị Kiều D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Võ Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Duyên Thị Kiều D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Duyên Thị Kiều D được ly hôn với ông Võ Văn S.

1.2. Về con chung: Giao cháu Vỏ Duy T, sinh ngày 31/3/2014 cho bà Duyên Thị Kiều D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; ông Võ Văn S không cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông S mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Duyên Thị Kiều D xác định trong thời gian chung sống Võ Văn S và ông Võ Văn S không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Duyên Thị Kiều D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003252 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Duyên Thị Kiều D đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Võ Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P KTNV&THA);
- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- UBND thị trấn N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Cẩm Nhung